TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2017
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Toạ phiên toà: Bà Lê Thị Phương Trúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Kim Sơn
2. Bà Nguyễn Thị Mai Hương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Như Quyền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thơ - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1977;
Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1973;
Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/7/2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: chị và anh D cưới nhau năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/02/2010 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới vợ chồng chung sống không hạnh phúc do những lúc anh D uống rượu say thường kiếm chuyện gây gỗ với chị, ghen tuông vô cớ nên đánh chị thậm chí có lần cầm dao hăm dọa chém chị. Vì thương con nên chị cố gắng chịu đựng và khuyên anh D nhưng anh D vẫn không thay đổi. Do đó, chị khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Yến V, sinh ngày 27/10/2010, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/8/2017, bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: anh và chị T cưới nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/02/2010 tại UBND xã L. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do thỉnh thoảng anh có cùng bạn bè tụ tập uống rượu, chị T không đồng ý và hay cằn nhằn nên vợ chồng cự cãi chứ thực ra vợ chồng hoàn toàn không có mâu thuẫn gì lớn. Anh thừa nhận có lần anh cho rằng chị T không tôn trọng mình nên anh có cầm dao hăm dọa chị T nhưng không hề có ý làm tổn hại chị T. Hiện tại, vợ chồng vẫn sống chung nhà, không có ly thân giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nên anh không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng hàn gắn để cùng nhau nuôi dạy con.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Yến V, sinh ngày 27/10/2010. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con chung anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: từ khi thụ lý vụ án ở cấp sơ thẩm cho đến thời điểm hiện tại thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung:

Về hôn nhân: chị T yêu cầu ly hôn, anh D không đồng ý nhưng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng đồng thời cũng không đến Tòa án để tham dự phiên tòa cho thấy anh D không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về nuôi con chung: căn cứ vào yêu cầu của chị T, anh D, cần chấp nhận để chị T tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Yến V, sinh ngày 27/10/2010. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Vì lợi ích của con chung, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con đảm bảo theo quy định tại Điều 81 và được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung: không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn D là quan hệ tranh chấp ly hôn, căn cứ theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Đối với anh Nguyễn Văn D, Tòa án đã tống đạt các thông báo thụ lý, thông báo về phiên hòa giải, thông báo phiên tòa sơ thẩm, thông báo hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh D vẫn không đến tham dự phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh D.

[2]Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị T và anh D cưới nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/02/2010 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp.

Theo sự thừa nhận của cả chị T và anh D thì nguyên nhân chính dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do anh D thường tụ tập bạn bè uống rượu, chị T không đồng ý nên vợ chồng hay cải vã. Chị T cho rằng đã cho anh D nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng anh D vẫn không thay đổi nên cương quyết yêu cầu ly hôn còn anh D cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, năm 2016, chị T đã từng nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An và đã rút đơn khởi kiện, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 79/2016/QĐST-HNGĐ ngày 22/11/2016 cho thấy lời trình bày của chị T về việc chị đã tạo cơ hội cho anh D sửa đổi là có căn cứ, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh D thật sự trầm trọng, hôn nhân không còn khả năng hàn gắn đúng như chị T trình bày. Anh D không đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án tham dự phiên tòa cho thấy anh D không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, ăn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh D.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Yến V, sinh ngày 27/10/2010, hiện đang sống với chị T. Chị T yêu cầu nuôi con, anh D cũng đồng ý nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Anh D không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: chị T và anh D không yêu cầu giải quyết chia tài sản và nêu vợ chồng không có nợ chung không có nên không xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ chung thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T về việc "tranh chấp ly hôn" đối với anh Nguyễn Văn D.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Yến V, sinh ngày 27/10/2010, anh Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000194 ngày 19/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, chị T đã nộp đủ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phương Trúc